

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18 /2015/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 25 tháng 8 năm 2015

## **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch phát triển  
kinh tế - xã hội năm 2015 ban hành kèm theo Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND  
ngày 10/12/2014 của UBND tỉnh Lai Châu**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 128/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm và một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 ban hành kèm theo Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 của UBND tỉnh Lai Châu như sau:

*(Có biểu chi tiết kèm theo).*

**Điều 2.** Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 của UBND tỉnh Lai Châu về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp & PTNT, Y tế; Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Đỗ Ngọc An**

## ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số : 18 /2015/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2015 đã giao tại QĐ số 39/2014/QDD-UBND, ngày 10/12/2014									Kế hoạch năm 2015 điều chỉnh										
			Tổng	Theo huyện, thành phố									Tổng	Theo huyện, thành phố								
				TP.Lai Châu	Tam Đường	Phong Thổ	Sìn Hồ	Mường Tè	Nậm Nhùn	Tân Uyên	Than Uyên	TP.Lai Châu		Tam Đường	Phong Thổ	Sìn Hồ	Mường Tè	Nậm Nhùn	Tân Uyên	Than Uyên		
1	Cây chè																					
	Tổng diện tích chè:	Ha	3,222	511	1,140	35	4				1,440	92	3,431	526	1,154	35	4			1,608	104	
	Trong đó: trồng mới (*)	Ha	150	20	50						40	40	369	35	74.06					208	52	
2	Cây cao su	Ha	13,094			1,389	8,071	210	2,409			1,015	13,094			1,389	8,071	310	2,309		1,015	
	Trong đó: trồng mới	Ha	450				150	100	100			100	500				150	200			150	
3	Dân số																					
	- Dân số trung bình	Người	435,355	36,989	53,269	75,818	80,633	42,964	27,905	54,407	63,370	431,951	35,717	53,102	74,724	80,607	43,046	27,300	54,070	63,385		
	Trong đó:																					
	+ Dân số thành thị	Người	73,091	30,046	6,061	4,833	4,906	4,636	3,977	12,041	6,591	70,612	28,955	6,721	4,833	4,212	4,949	1,692	12,718	6,532		
	+ Dân số nông thôn	Người	362,264	6,943	47,208	70,985	75,727	38,328	23,928	42,366	56,779	361,339	6,762	46,381	69,891	76,395	38,097	25,608	41,352	56,853		
	- Tỷ lệ tăng dân số	%	2.43	5.05	2.18	2.45	2.10	1.73	2.22	2.25	2.23	2.04	2.96	2.06	2.18	2.13	1.85	0.28	2.25	1.97		
	- Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	0.50	0.50	0.50	0.50	0.60	0.30	0.30	0.70	0.50	0.50	6.76	1.12	(0.44)	(2.09)	(1.09)	7.40	(3.53)	3.72		

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2015 đã giao tại QĐ số 39/2014/QDD-UBND, ngày 10/12/2014									Kế hoạch năm 2015 điều chỉnh										
			Tổng	Theo huyện, thành phố									Tổng	Theo huyện, thành phố								
				TP.Lai Châu	Tam Đường	Phong Thổ	Sìn Hồ	Mường Tè	Nậm Nhùn	Tân Uyên	Than Uyên	TP.Lai Châu		Tam Đường	Phong Thổ	Sìn Hồ	Mường Tè	Nậm Nhùn	Tân Uyên	Than Uyên		
	- Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%o	19.76	19.68	20.22	19.77	18.61	20.28	21.97	22.03	17.59	19.93	14.08	18.23	21.81	21.15	19.63	19.67	24.84	16.91		

Ghi chú:

(\*) Diện tích chè trồng mới Huyện Tam Đường là 74,06 ha bao gồm 10ha trồng tái canh